

Ia Băng, ngày 06 tháng 12 năm 2021

Số: 01/BC-TTT

BÁO CÁO

**Về việc thẩm tra hồ sơ đề nghị xét, công nhận đạt chuẩn
và kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới
của làng Châm Prông, xã Ia Băng**

Căn cứ Quyết định 183/QĐ-UBND ngày 17/4/2019 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Quy định Bộ tiêu chí, làng đạt chuẩn nông thôn mới; Quy trình xét công nhận, công bố thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2019-2020.

Căn cứ Quyết định số 3157/QĐ-TTg ngày 30/ 08/2018 của UBND huyện về việc Ban hành bộ tiêu chí về Làng Nông thôn mới giai đoạn 2018 – 2020 thực hiện trên địa bàn huyện;

Căn cứ Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 08/10/2018 của UBND huyện về việc triển khai xây dựng Làng nông thôn mới trong làng đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn huyện giai đoạn 2018 – 2020.

Căn cứ Nghị quyết số 16-NQ/ĐU, ngày 30/12/2020 của Ban chấp hành Đảng bộ xã khóa (XII) về thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới năm 2021; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND, ngày 12/01/2021 của Hội đồng nhân dân xã Ia Băng về việc thông qua kế hoạch xây dựng nông thôn mới năm 2021, xây dựng làng Châm Prông đạt chuẩn làng Nông thôn mới trong đồng bào dân tộc thiểu số;

Thực hiện Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 31/3/2021 của UBND xã Ia Băng về kế hoạch xây dựng làng Châm Prông đạt chuẩn Nông thôn mới trong làng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2021; Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 31/3/2021 của UBND xã Ia Băng về phân công các cán bộ, công chức phụ trách tiêu chí làng đạt chuẩn Nông thôn mới trong làng đồng bào dân tộc thiểu số năm 2021;

Căn cứ đề nghị của Ban phát triển thôn, làng Châm Prông về việc đề nghị xét, công nhận thôn Châm Prông đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021.

Căn cứ kết quả thẩm tra hồ sơ và đánh giá cụ thể thực tế mức độ đạt từng tiêu chí nông thôn mới trên địa bàn làng Châm Prông, Tổ thẩm tra tiêu chí làng đạt chuẩn nông thôn mới xã Ia Băng báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ và thực hiện các tiêu chí nông thôn mới cho làng Châm Prông, cụ thể như sau:

I. KẾT QUẢ THẨM TRA

Thời gian thẩm tra (từ ngày 16/11/2021 đến ngày 23/11/2021)

1. Hồ sơ

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí làng nông thôn mới

Tổng số tiêu chí làng tổ chức tự đánh giá đạt chuẩn nông thôn mới theo quy định là 19/19 tiêu chí, đạt 100%, cụ thể:

1. Tiêu chí số 1: Quy hoạch

a) Yêu cầu tiêu chí:

1.1. Thôn, làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt.

1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đã có quy hoạch đường làng, ngõ xóm, vườn nhà, nghĩa địa, nhà văn hóa, trường học.

- Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới đường và công bố rộng rãi trong thôn làng.

- Đã xây dựng quy chế quản lý quy hoạch chung của xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Tự đánh giá: Đạt So với tiêu chí làng nông thôn mới.

2. Tiêu chí số 2: Giao thông

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Đường từ trung tâm xã tới làng được cứng hóa (nhựa, bê tông): đạt 100%.

- Đường trục thôn, làng và đường liên thôn làng được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm đạt 100%.

- Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội (đạt 80%).

- Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa $\geq 80\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đường từ trung tâm xã tới làng được cứng hóa: 02km/02km, đạt 100%.

- Đường trục thôn, làng và đường liên thôn làng được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm: có 1,2/1,2 km, đạt 100%.

- Đường ngõ xóm sạch và không lầy lội là: có 4,8 km, đạt chuẩn (Trong đó: 04 km đường nhựa, 0,8 km đường đất cứng)/tổng số 5,9 km. Đạt 81,3%. (đạt so với yêu cầu: $\geq 80\%$).

- Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa 4,73/5,50 km, đạt 86%.

- Kinh phí thực hiện năm 2021: 263m. Tổng số tiền 294.598.000 đồng. Trong đó: Ngân sách xã: 265.598.000 đ; dân đóng góp: 29 triệu.

c) Tự đánh giá: Đạt So với tiêu chí làng nông thôn mới.

3. Tiêu chí số 3: Thủy lợi

a) Yêu cầu của tiêu chí

Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế.

b) Kết quả thực hiện

Làng không có công trình thủy lợi, các diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới từ các các nguồn nước như ao, suối, giếng và nước mạch, nước mưa. Lượng nước đủ cung cấp cho sự sinh trưởng và phát triển của cây trồng đồng thời phục vụ sinh hoạt hàng ngày của người dân.

c) Tự đánh giá tiêu chí: Đạt

4. Tiêu chí số 4: Điện

a) Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ trong làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện $\geq 98\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hệ thống điện đạt chuẩn: Hệ thống cung cấp điện trên địa bàn làng nhìn chung đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn đạt $>98\%$.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

5. Tiêu chí số 5: Trường học

a) Yêu cầu tiêu chí: Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có công trình phúc lợi như nhà vệ sinh, hệ thống thoát nước, hàng rào, cổng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Trên địa bàn làng có 01 điểm trường mẫu giáo, 01 phân hiệu trường tiểu học số 2 Ia Bàng; Có cổng, tường rào đạt yêu cầu; sân chơi (sân bê tông, có cây xanh); công trình WC, có giếng để sinh hoạt; trang thiết bị bàn ghế đủ, có nhà để xe đảm bảo theo quy định.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

6. Tiêu chí số 6: Cơ sở vật chất văn hóa

a) Yêu cầu tiêu chí:

Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh,

trang thiết bị, các công trình phú lợi như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Hiện làng Châm Prông đã có nhà sinh hoạt cộng đồng; Diện tích đất nhà sinh hoạt: 250 m²; Nhà sinh hoạt 118,18 m² đã hoàn thành năm 2019, trang bị âm li, loa, bàn, ghế, khánh tiết; Diện tích sân thể thao: 1.200m²; có nhà vệ sinh, Có sân bóng chuyền, sân bóng đá.

- Đã trao Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm, công tác viên, xây dựng Kế hoạch, Quy chế hoạt động, nội quy nhà văn hóa thôn theo hướng dẫn của các cấp, mua bổ sung trang thiết bị nhà văn hóa: 30 triệu đồng từ ngân sách trung ương.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

7. Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn

a) Yêu cầu tiêu chí: Thôn, làng phải có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm mua bán trao đổi hàng hóa theo quy định trên địa bàn.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

Có 16 quán buôn bán tạp hóa nhỏ lẻ trên địa bàn thôn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu thiết yếu của người dân trong làng.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

8. Tiêu chí số 8: Thông tin và truyền thông

a) Yêu cầu tiêu chí:

- 8.1. Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy nhập internet.

- 8.2. Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Dịch vụ viễn thông, Internet: được phủ sóng mạng trên toàn xã nói chung và làng nói riêng.

- Hiện tại làng đã có 01 cụm loa hoạt động tốt, nhân dân được lắng nghe các nội dung phát sóng của huyện, tỉnh các tin bài của xã.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

9. Tiêu chí số 9: Nhà ở dân cư nông thôn

a) Yêu cầu tiêu chí:

9.1. Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10m²/người trở lên, có các công trình phụ trợ như nhà bếp, nhà vệ sinh,...được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.

9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. vườn hộ được trồng các loại cây có dân.

9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào, cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quanh môi trường nơi ở xanh – sạch – đẹp.

9.4. Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương.

9.5. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ xây dựng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Trên địa bàn thôn không có nhà dột nát.
- Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. vườn hộ được trồng các loại hoa.

- Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có cổng, ngõ, hàng rào, cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quanh môi trường nơi ở xanh – sạch – đẹp.

- Tổng số nhà ở toàn làng trong năm 2021 là 241 nhà /241 hộ, trong đó: Số nhà kiên cố 160 cái (diện tích bình quân 80 m²/cái) chiếm 66,4%. Số nhà bán kiên cố 81 cái (diện tích bình quân 60 m²/cái) chiếm 33,6%. Trong năm 2021 xây mới 28 cái nhà, kinh phí 4,480 triệu đồng, dân góp.

- Tổng số nhà đạt yêu cầu theo tiêu chí nông thôn mới là 220 cái /241 cái chiếm 91,26% (tiêu chí nông thôn mới $\geq 85\%$);

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

10. Tiêu chí số 10: Thu nhập

a) Yêu cầu tiêu chí: Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020: năm 2019: 40 triệu đồng; năm 2020: 45 triệu đồng; năm 2021: 45 triệu đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Mặc dù chủ yếu dân trong làng sản xuất nông nghiệp nhưng nhìn chung nhân dân rất chịu khó, tích cực chăm lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, chuyển đổi giống cây trồng vật nuôi phù hợp với địa bàn của làng, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nhằm tăng năng suất chất lượng cây trồng vật nuôi. Một bộ phận người dân của làng đi làm thuê, làm công nhân cho tổ chức, cá nhân trong xã và ngoài tỉnh. Từ đó, đời sống vật chất cũng như tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể.

- Thu nhập bình quân của làng hiện tại là 45,12 triệu đồng/người/năm.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

11. Tiêu chí số 11: Hộ nghèo

a) Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020 $\leq 7\%$.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Năm 2021, công chức LĐTBXH cùng với các thôn làng tiến hành rà soát, bình xét hộ nghèo và cận nghèo. Kết quả tổng số hộ nghèo đa chiều năm 2021 tại làng 11 hộ/241 chiếm 4,5 %).

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

12. Tiêu chí số 12: Tỷ lệ lao động có việc làm

a) Yêu cầu tiêu chí: Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn làng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động: 560/578 người, đạt 96,8 %

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

13. Tiêu chí số 13: Tổ chức sản xuất

a) Yêu cầu tiêu chí

13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo đúng quy định và hoạt động có hiệu quả.

13.2. Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của chương trình Mỗi xã 1 sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

- Có 01 tổ hợp tác sản nông nghiệp và dịch vụ, gồm 12 thành viên; tổ hợp tác sản xuất nông nghiệp và có liên kết với công ty Vĩnh Hiệp tiêu thụ sản phẩm cà phê của hộ.

- Về mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực

Có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững: Có liên kết tiêu thụ sản phẩm cà phê giữa công ty TNHH Vĩnh Hiệp với 12 hộ nông dân trên địa bàn thôn trong năm 2020-2022.

c) Tự đánh giá: Đạt so với yêu cầu.

14. Tiêu chí số 14: Giáo dục và đào tạo

a) Yêu cầu tiêu chí:

- Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

- Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục đi học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề $\geq 70\%$.

- Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề $\geq 25\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp có 23/ 23 học sinh. Đạt 100%.

+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non có 23/23 học sinh, (Đạt 100%).

Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:

+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt học sinh toàn trường: thôn Châm Prông : có 23/23 học sinh (Đạt 100%);

+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục tiểu học học sinh toàn trường có 106 /106 học sinh (Đạt 100%), Châm Prông 35/35 học sinh, Đạt 100%

Đạt phổ cập giáo dục THCS học mức độ 2:

+ Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở: 30/33 em, đạt 90,91 %.

+ Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp). Có 8/11 học sinh (Đạt 72,7 %)

+ Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề: 284/578 lao động, đạt 49,1%.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

15. Tiêu chí số 15: Y tế

a) Yêu cầu tiêu chí:

15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế 90%.

15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.

15.3 Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.

15.4 Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) $\leq 30\%$

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế là Có 925thẻ/ 998 người, chiếm 92,68%.

- Làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng.

- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng thấp: 34 trẻ/120 trẻ (đạt 28,3 %)

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

16. Tiêu chí số 16: Văn hóa

a) Yêu cầu tiêu chí: Thôn, làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

Hiện tại làng có 218/241 hộ đạt danh hiệu gia đình văn hóa, tỷ lệ 90,4%.
Làng được công nhận danh hiệu làng văn hóa năm 2017.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

17. Tiêu chí số 17: Môi trường và an toàn thực phẩm

a) Yêu cầu tiêu chí

17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định $\geq 95\%$ nước HVS và $\geq 50\%$ nước sạch.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh ở trong làng đều chấp hành tốt về bảo vệ môi trường

17.3. Các tuyến đường trong thôn, làng; nhà văn hóa, khu thể thao thường xuyên được vệ sinh sạch sẽ, cảnh quan, môi trường xanh - sạch - đẹp.

17.4. Về nghĩa trang, khu vực chôn cất của thôn, làng: phải phù hợp với phong tục tập quán của địa phương; đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu vực dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100m, trường hợp nghĩa địa của thôn, làng đã hình thành từ lâu đời không đảm bảo khoảng cách tối thiểu 100m cần phải được cải tạo nâng cấp có hàng rào ngăn, hệ thống cây xanh và mương thoát nước, khuyến khích việc chôn cất tập trung; nghĩa địa có dải phân cách cây xanh để tạo mỹ quan và môi trường. chất thải phát sinh từ các hoạt động ở nghĩa địa phải được thu gom, xử lý đảm bảo môi trường

17.5. Thôn, làng có tổ thu gom rác thải hoặc 100% hộ gia đình có hồ thu gom xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình, không có tình trạng rác vứt bừa bãi ra ngoài môi trường, bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định

17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch $\geq 80\%$.

17.7. Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. không có chăn nuôi dưới sàn $\geq 70\%$

17.8. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm

17.9. Thôn, làng có ít nhất 70% hội viên, phụ nữ tham gia thực hiện cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch” và có mô hình “Chi hội phụ nữ 5 không, 3 sạch xây dựng nông thôn mới”

b) Kết quả thực hiện tiêu chí

17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định $\geq 95\%$ nước HVS có: 220hộ/241 hộ sử dụng nước hợp vệ sinh, đạt 91,29%; hộ sử dụng nước sạch có 220hộ/241 hộ, đạt tỷ lệ 91,29%; Có kết quả phân tích mẫu nước đại diện thôn, làng kèm theo.

17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh ở trong làng đều chấp hành tốt về bảo vệ môi trường 16/16 cơ sở, đạt 100%.

17.3. Hội phụ nữ xã phối hợp với làng ra mắt 01 đoạn đường phụ nữ tự quản về môi trường.

17.4. Nghĩa trang đảm bảo khoảng cách tối thiểu từ nghĩa địa đến khu vực dân cư trong thôn, làng tối thiểu là 100m.

17.5. Làng có hợp đồng với công ty thu gom rác thải 100% hộ gia đình tham gia 241 hộ, đã tham gia trong 06 tháng cuối năm 2021, kinh phí 14.460.000, không có tình trạng rác vứt bừa bãi ra ngoài môi trường, có 01 nhà chứa chai, lọ, bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng được thu gom, xử lý đúng theo quy định.

17.6. Có 196/241 hộ, đạt 81,33% hộ có nhà vệ sinh, nhà tắm đạt chuẩn. Trong năm 2021 có 23 hộ xây dựng mới nhà tiêu, nhà tắm hợp vệ sinh, tổng kinh phí 230 triệu đồng. Trong đó có 08 hộ được vốn CT NTM hỗ trợ xây dựng 45,600.000 đồng; Dân đóng góp 184 triệu đồng.

17.7. Có 62/65 hộ, đạt 95,3 % có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường. Trong năm 2021 có 15 hộ xây dựng mới chuồng trại hợp vệ sinh, tổng kinh phí 95 triệu đồng. Trong đó có 08 hộ được vốn CT NTM hỗ trợ xây dựng 60 triệu đồng; Dân đóng góp 35 triệu.

17.8. Có 236/236 tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phổ biến hướng dẫn các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%. Trong đó 224/224 hộ sản xuất nông, lâm, thủy sản thuộc ngành nông nghiệp; có 11/11 cơ sở thuộc ngành công thương quản lý; 01/ 01 cơ sở thuộc ngành y tế quản lý.

17.9. Hội phụ nữ xã phối hợp với làng ra mắt 01 đoạn đường phụ nữ tự quản về môi trường. Có 224/241 hộ có thực hiện cải tạo vườn, chỉnh trang, hàng rào, cổng ngõ. Trong đó trong năm 2021 đã thực hiện: 13 cái, kinh phí 143 triệu.

c) Tổng kinh phí thực hiện: 482.460.000 đồng. Trong đó: Vốn TW: 105.600.000 đồng; dân đóng góp 376.460.000 đồng.

d) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

18. Tiêu chí số 18: Hệ thống tổ chức chính trị-xã hội vững mạnh và tiếp cận pháp luật

a) Yêu cầu tiêu chí:

18.1. Có đủ các tổ chức trong thôn, làng theo quy định (gồm Chi bộ, Ban công tác mặt trận, Chi hội cựu chiến binh, chi hội Nông dân, chi hội Liên hiệp Phụ

nữ, chi đoàn thanh niên) kết quả phân loại chi bộ thôn, làng hàng năm đạt hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên; các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong thôn, làng hàng năm được xếp loại chất lượng “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên

18.2. Có Ban phát triển thôn, làng hoạt động theo quy chế do cộng đồng bầu và được UBND cấp xã công nhận

18.3. Có quy ước, hương ước thôn, làng được trên 95% người dân thông qua và cam kết thực hiện

18.4. Có kế hoạch thực hiện từng tiêu chí hàng năm và cả giai đoạn trên cơ sở có sự tham gia của cộng đồng và được UBND xã xác nhận (bản kế hoạch giai đoạn 2018-2020 và lộ trình từng năm phải đánh giá đầy đủ hiện trạng thôn, làng; các nguồn nội lực của thôn, làng; dự toán kinh phí thực hiện trong đó có sự tham gia đóng góp của cộng đồng)

18.5. Có 100% phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc thiểu số có nhu cầu, được vay vốn ưu đãi từ các chương trình việc làm, giảm nghèo và các nguồn tín dụng chính thức. không có trường hợp bị cưỡng ép kết hôn, tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống. trong thôn, làng không có bạo lực gia đình

18.6. Nhân dân trong thôn, làng được tiếp cận pháp luật: trên 80% người dân được tuyên truyền, phổ biến, tiếp cận nội dung trọng tâm của các văn bản, chính sách pháp luật mới, có liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của người dân, được thông tin định hướng các vấn đề được xã hội quan tâm; được tiếp nhận, khai thác và sử dụng có hiệu quả các tài liệu chuyên đề phổ biến giáo dục pháp luật do các cơ quan cấp tỉnh, huyện, xã cấp phát; thường xuyên lồng ghép các chuyên đề pháp luật trong các buổi họp thôn làng, tổ hòa giải ở cơ sở thôn, làng được thành lập, thường xuyên được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả 100% các vụ việc hòa giải ở cơ sở được tiếp nhận, giải quyết với trên 80% vụ việc được hòa giải thành.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Cán bộ thôn làng đạt chuẩn: Tổng số cán bộ thôn làng là 09 người (Trong đó có 01 người kiêm nhiệm), trong đó: có 01 người đã tốt nghiệp THPT. Nhìn chung, đội ngũ hệ thống chính trị của thôn trẻ, có năng lực tuyên truyền vận động.

- Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định: Hiện có 01 chi bộ, có 06 đảng viên đang sinh hoạt tại chi bộ làng Châm Prông.

- Đảng viên và chi bộ làng đạt tiêu chuẩn “trong sạch vững mạnh”.

- Hệ thống chính trị của làng đều đạt loại khá trở lên.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

19. Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh

a) Yêu cầu tiêu chí:

19.1. Quốc phòng: lực lượng dân quân bố trí theo quy định, hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.

19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên: không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước, không có khiếu kiện đông người kéo dài, không để xảy ra trong án, tội phạm và an toàn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với các năm trước; công an viên; lực lượng an ninh chính trị thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên, các mô hình, tổ chức quần chúng làm công.

b) Kết quả thực hiện tiêu chí:

- Đạt 100% tỷ lệ giao quân hàng năm.

- Không có tổ chức cá nhân hoạt động chống đối Đảng, chính quyền, phá hoại kinh tế, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân, truyền đạo trái pháp luật, khiếu kiện đông người, kéo dài, vượt cấp....

- Không có tụ điểm phức tạp về TTXH và không phát sinh thêm người mắc các tệ nạn XH trên địa bàn.

- 100% số hộ được công nhận đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự.

c) Tự đánh giá: Đạt với tiêu chí làng nông thôn mới.

II. KẾT LUẬN

1. Về hồ sơ: minh chứng đầy đủ.

2. Về kết quả thực hiện các tiêu chí nông thôn mới

Tổng số tiêu chí làng nông thôn mới của làng Châm Prông đã được UBND xã Ia Băng thẩm tra đạt chuẩn nông thôn mới tính đến thời điểm thẩm tra là 19/19 tiêu chí, đạt 100%.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện các tiêu chí làng đạt chuẩn nông thôn mới của làng Châm Prông, xã Ia Băng./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Ban chỉ đạo XD NTM huyện;
- Thường trực Đảng ủy, HĐND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Chi bộ, BND 11 thôn;
- Lưu: VT.

**TM. TỔ THẨM TRA
TỔ TRƯỞNG**

**CHỦ TỊCH UBND XÃ
Lê Văn Hùng**